

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 25/2024/ TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Đỗ Văn Q sinh năm 1982; địa chỉ: số B, ngõ A, đường L, phố K, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đỗ Văn Q: Ông Phạm Viết H sinh năm 1960 ; địa chỉ: xóm G, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình;

- *Bị đơn*: Chị Bùi Thị An s năm 1983 ; địa chỉ: số B, ngõ A, đường L, phố K, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

+ Ngân hàng thương mại cổ phần N1; địa chỉ: số A, đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần N1: ông Hoàng Huy N sinh năm 1980; địa chỉ: Ngân hàng thương mại cổ phần N1 chi nhánh N2, số A, đường T, phố A, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền số 06/ UQ- NBI- HCNS ngày 11/4/2024);

+ Ông Đỗ Văn Bình s1 năm 1964 và bà Nguyễn Thị Đ sinh năm 1972 ; địa chỉ: số B, đường N, phố N, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình;

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Đỗ Văn B: bà Nguyễn Thị Đ sinh năm 1972 ; địa chỉ: số B, đường N, phố N, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Văn bản uỷ quyền ngày 19/4/2024).

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 60, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Đỗ Văn Q và chị Bùi Thị A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2. 1. Về con chung:

- Cháu Đỗ Duy M sinh ngày 22/9/2004 đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Giao cháu Đỗ Gia H1 sinh ngày 17/10/2013 cho chị Bùi Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: anh Đỗ Văn Q và chị Bùi Thị A tự thoả thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. 2. Về tài sản chung và công nợ chung:

+ Ghi nhận sự tự thoả thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trước khi Tòa án tiến hành hòa giải giữa anh Đỗ Văn Q, chị Bùi Thị A, ông Đỗ Văn B và bà Nguyễn Thị Đ như sau:

- Giao cho anh Đỗ Văn Q quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài gồm: Quyền sử dụng diện tích 116 m² đất thuộc thửa đất số 793, tờ bản đồ số 18; địa chỉ thửa đất: phố K, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB940823 do UBND thành phố N cấp ngày 24/3/2016 mang tên Đỗ Văn Q và Bùi Thị A có giá trị 3.100.000.000 đồng (*ba tỷ một trăm triệu đồng*) và ngôi nhà 3 tầng trên đất có giá trị 1.124.801.196 đồng (*một tỷ một trăm hai mươi bốn triệu tám trăm linh một nghìn một trăm chín mươi sáu đồng*); 01 xe ô tô bán tải hãng Ford ranger đời 2015, biển số 18C - 082.69 mang tên Đỗ Văn Q có giá trị 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*).

- Anh Đỗ Văn Q được quyền sử dụng chung với ông Đỗ Văn B và bà Nguyễn Thị Đ diện tích 460 m² đất thuộc thửa đất số 98b, tờ bản đồ số 13; địa chỉ thửa đất: thôn A, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn G, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) có giá trị 1.000.000.000 đồng (*một tỷ đồng*). Thửa đất đã được UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số C0 534092 ngày 27/9/2018 mang tên Trịnh Thị H2, có nội dung thay đổi pháp lý thể hiện ngày 31/5/2022 chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất cho Đỗ Văn Q và Bùi Thị A. Hình thức sử dụng chung theo phần, cụ thể anh Q có quyền sử dụng 50% giá trị thửa đất và ông B, bà Đ có quyền sử dụng 50 % giá trị thửa đất.

- Giao cho chị Bùi Thị A quyền sử dụng diện tích 92, 5 m² đất thuộc thửa đất số 823, tờ bản đồ số 18 ; địa chỉ thửa đất: phố K, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DE 770555 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 22/6/2022 mang tên Đỗ Văn Q và Bùi Thị A có giá trị 1.900.000.000 đồng (*một tỷ chín trăm triệu đồng*) và 01 nhà lợp tôn (nhà xưởng) trên đất có giá trị 167.011.058 đồng (*một trăm sáu mươi bảy triệu không trăm mười một nghìn không trăm năm mươi tám đồng*).

- Anh Đỗ Văn Q và chị Bùi Thị A tự thỏa thuận về các tài sản khác gồm bàn ghế, tủ và một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Đỗ Văn Q có trách nhiệm thanh toán cho chị Bùi Thị A tiền chênh lệch tài sản là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) vào ngày 20/9/2024 (đã thanh toán xong).

2.2. Công nhận sự thỏa thuận của anh Đỗ Văn Q, chị Bùi Thị A và Ngân hàng TMCP N1 về công nợ như sau: anh Đỗ Văn Q có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP N1 số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 20/9/2024 là 3.314.944.842 đồng (*ba tỷ ba trăm mười bốn triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm bốn mươi đồng*) ; trong đó: nợ gốc là 3.172.589.512 đồng (*ba tỷ một trăm bảy mươi hai triệu năm trăm tám mươi chín nghìn năm trăm mười hai đồng*), lãi quá hạn là 142.345.333 đồng (*một trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bốn mươi năm nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*) vào ngày 10/10/2024.

Kể từ ngày 21/9/2024, anh Đỗ Văn Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; trường hợp Ngân hàng có điều chỉnh lãi cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà anh Đỗ Văn Q phải tiếp tục thanh toán cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp anh Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc hoặc lãi (vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào) theo thỏa thuận trên thì Ngân hàng TMCP N1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp của anh Q, chị A theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 16.07/ 2020/ JL65/ HĐTC để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP N1. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích 116 m² đất, nhà 3 tầng xây dựng trên thửa đất số 793, tờ bản đồ số 18; địa chỉ thửa đất: phố K, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB940823 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp ngày 24/3/2016 mang tên Đỗ Văn Q và Bùi Thị A để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2. 3. Về chi phí tố tụng: anh Đỗ Văn Q và chị Bùi Thị A đã tự thỏa thuận mỗi người chịu 5.500.000 đồng (*năm triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 . Về án phí:

- Anh Đỗ Văn Q nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 24.575.000 đồng (*hai mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 48.150.000 đồng (*bốn mươi tám triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000234 ngày 21/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Trả lại cho anh Đỗ Văn Q 23.425.000 đồng (*hai mươi ba triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Chị Bùi Thị A phải nộp 24.575.000 đồng (*hai mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng.

- Anh Đỗ Văn Q và chị Bùi Thị A không phải nộp án phí chia tài sản chung của vợ chồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Ninh Bình;
- Chi cục THADS thành phố Ninh Bình;
- UBND xã Yên Lãng, huyện Đại Từ,
tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Phương